

Bản án số: 06/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 08-02--2023

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Hải

2. Ông Mai Đức Danh

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2022/ TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – Sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: TDP Tân Hải, phường Hải Bình, thị xã N, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP Tân Hải, phường Hải Bình, thị xã N, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Bình, thị xã N), tỉnh T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có niềm tin nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không nên đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn T.

* Anh T trình bày: Về tài sản, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên bản thân anh xét thấy tình cảm dành cho chị H vẫn còn nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

* Về con chung:

- Chị H trình bày: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là cháu: Lê Xuân Trường – Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2014 và cháu Lê Tiến Đạt – Sinh ngày 20 tháng 2 năm 2021. Tại phiên tòa nguyên vọng của chị muốn được nuôi cả 2 con, nếu anh T muốn nuôi cháu Trường thì chị thống nhất giao cháu Trường cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị trực tiếp nuôi cháu Đạt. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T trình bày: Về con chung vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu: Lê Xuân Trường – Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2014 và cháu Lê Tiến Đạt – Sinh ngày 20 tháng 2 năm 2021. Nguyên vọng của anh muốn được nuôi cháu Trường và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố Tân Hải, phường Hải Bình, thị xã N nơi vợ chồng chị H và anh T sinh sống khẳng định chị H và anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại TDP Tân Hải, phường Hải Bình, thị xã N, chị H và anh T Kết hôn vào ngày 04/7/2014, tại UBND xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Bình, thị xã N), tỉnh T. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay chị H và anh T đang sống ly thân. Về con chung vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung và hiện tại hai cháu đang sống với chị H.

* Ý kiến của cháu Lê Xuân Trường: Trong trường hợp mẹ H và bố T ly hôn nguyên vọng của cháu là được ở với bố trường.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51,56,81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Tiến Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Xuân Trường cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H và anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được phép ngăn cản.

+ Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Bình, thị xã N), tỉnh T, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không còn niềm tin, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 09/2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân không quan tâm đến nhau, chị H xin ly hôn anh T không đồng ý.

Tuy nhiên trong thời gian mâu thuẫn và ly thân anh T không đưa ra được những giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu: Lê Xuân Trường – Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2014 và cháu Lê Tiến Đạt – Sinh ngày 20 tháng 2 năm 2020.

Xét thấy: Chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, song việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo tốt về mọi mặt, chị H và anh T đều là lao động tự do thu nhập ổn định, cháu Đạt đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, do đó giao cháu Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Trường có nguyện vọng được ở với bố, do đó giao cháu Trường cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Xuân Trường – Sinh ngày 01 tháng 11 năm 2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Lê Tiến Đạt – Sinh ngày

20 tháng 2 năm 2021, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2021/0012311 ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đức Danh Lê Thế Hải

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường Ninh Hải;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Mai Đình Thuận**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Học Nguyễn Văn Tòng

Hoàng Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Tân Dân
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hà